

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Ông Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2023; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: **Số B, đường số D, tổ H, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: **Đường B, tổ E, khu phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị **Lê Thị Thu H**, anh **Nguyễn Xuân N** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019, tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Sau khi kết hôn chị **H**, anh **N** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị **H**, anh **N** không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt. Mặc dù chị **H**, anh **N** đã cố gắng thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hiện nay chị **H** không còn tình cảm với anh **N** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình chung sống chị **H**, anh **N** có 01 người con chung Nguyễn Lê Anh Thư, sinh ngày 07/4/2020. Khi ly hôn chị **H** có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung anh **N** thống nhất như phần trình bày của chị **H**. Sau khi kết hôn trong cuộc sống anh **N**, chị **H** không hòa hợp. Bản thân chị **H** có quan hệ bất chính với người khác. Mặc dù anh **N** đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng chị **H** vẫn không thay đổi. Hiện nay anh **N** không còn tình cảm với chị **H**, nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên anh **N** đồng ý ly hôn. Khi ly hôn anh **N** có nguyện vọng nuôi con chung **Nguyễn Lê Anh T**, sinh ngày 07/4/2020 và không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh **Nguyễn Xuân N** có nơi thường trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị **Lê Thị Thu H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng tiền nuôi con với anh **Nguyễn Xuân**

N nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa.

[5] Chị Lê Thị Thu Hồng, anh **Nguyễn Xuân N** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **H**, anh **N** sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, mặc dù cả hai đã nhiều lần tự động viên, khuyên bảo nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không kết quả. Hiện nay chị **H** không còn tình cảm với anh **N** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh **N** cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị **H** nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **N** đã kéo dài, trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị **H** được ly hôn với anh **Nghĩa l** phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Quá trình giải quyết vụ án cả chị **H** và anh **N** đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung **Nguyễn Lê Anh T**, sinh ngày 07/4/2020. Nhận thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu **T** là nữ, đang trong độ tuổi phát triển, nhằm giúp cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như về mặt tâm, sinh lý nên cần thiết giao cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **N**.

[7] Quá trình giải quyết vụ án chị **H** có yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **H** là có căn cứ, bởi lẽ chị **H** là người trực tiếp nuôi con, nên anh **N** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 2000.000 đồng/tháng mà chị **H** đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con. Do đó, cần buộc anh **N** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị **H** là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

[8] Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Cần buộc chị **H** phải chịu án phí ly hôn; anh **N** phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

[10] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Điều a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Điều b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị Thu H.**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Lê Thị Thu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân N.**

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày ngày 18/02/2019 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ** hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Lê Thị Thu H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Nguyễn Lê Anh Thư, sinh ngày 07/4/2020.

Anh **Nguyễn Xuân N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **N**.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh **Nguyễn Xuân N** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Nguyễn Lê Anh T**, sinh ngày 07/4/2020 cho chị **Lê Thị Thu H** mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Chị **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí:* Chị **Lê Thị Thu H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014945, ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh **Nguyễn Xuân N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường